TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2025/KDTM-PT Ngày 31 tháng 3 năm 2025 V/v: *Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán:	Ông Đặng Văn Ý
	Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 209/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH V2

Trụ sở: Số A L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T (có mặt);

Địa chỉ: Số A Tổ H, Khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV V2

Trụ sở: Lô D, KCN H (giai đoạn 2), xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L (có mặt);

Địa chỉ: Số D Đường C T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Lầu B, số E đường N, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH H (H.,L1) (vắng mặt);

Địa chỉ: 3-1-6 M, Y, K, Nhật Bản.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Công ty TNHH MTV V2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 và những lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/6/2016, Công ty TNHH MTV V2 (sau đây gọi là V-pan) và Công ty TNHH V2 (sau đây gọi là Konoike V1) đã ký Hợp đồng dịch vụ số KVLNFV09062016 về việc cung cấp dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường biển cho hàng hoá xuất khẩu.

Thực hiện theo hợp đồng, Konoike V1 đã cung cấp dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hoá cho V-pan đúng tiến độ và đã gửi hoá đơn chi phí dịch vụ cùng các chứng từ có liên quan theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, quá thời hạn theo thoả thuận tại hợp đồng nhưng Công ty V3-pan vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ 775.163.868 đồng. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào từ phía bị đơn.

Theo thông báo đề nghị thanh toán tiền nợ quá hạn số 001//2017/TB-KVL ngày 04/11/2017, sau 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được thông báo này, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì bị đơn phải trả lãi suất cơ bản theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng TMCP N1 cho số ngày chậm thanh toán. Căn cứ theo Phiếu báo phát thư số EX734366968VN của dịch vụ bưu chính V4 thì bị đơn đã nhận được thông báo đề nghị thanh toán tiền nợ quá hạn vào ngày 09/11/2017. Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là 775.163.868 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 617.509.759 đồng tạm tính từ ngày 09/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2024 với mức lãi suất 10%/năm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V2 (Konoike Vina), đòi Công ty TNHH MTV V2 (Công ty V3) phải thanh toán tiền cước phí vận tải là 775.163.868 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 09/11/2017 đến nay, phía bị đơn (Công ty V3) không đồng ý vì các lý do sau:

Trong hồ sơ vụ án, ngoài Hợp đồng dịch vụ số KVLNFV0902016 về việc cung cấp dịch vụ và vận chuyển hàng hóa quốc tế ngày 09/06/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn thì phía bị đơn có cung cấp cho Tòa án bản Hợp đồng ủy thác nghiệp vụ ký giữa Công ty V3 và Công ty H1., L1 (Công ty TNHH H) có giá trị 05 năm kể từ ngày 01/04/2016 đến 31/03/2021.

Tại Điều 1 của bản Hợp đồng ủy thác nghiệp vụ này có ghi rõ: Công ty TNHH H ủy thác nghiệp vụ cho Công ty V3 để:

+ Liên quan đến nhân sự: Tuyển dụng nhân viên...

+ Liên quan đến xuất nhập khẩu: Liên hệ đơn vị liên quan, lập chứng từ hải quan, quản lý chứng từ.

Và tại Điều 5 của bản hợp đồng cũng có ghi rõ Công ty TNHH H sẽ thanh toán các khoản phí, gồm:

+ Phí lao động: Tiền lương nhân viên...

+ Các phí khác: Giao thông, vận chuyển, gửi hàng...

Trên cơ sở đó, Công ty V3 ký hợp đồng lao động với hai nhân viên người Việt Nam là: Trần Thị Lan N và Đinh Lâm Quỳnh M. Đây là hai nhân viên do Công ty V3 tuyển dụng theo sự ủy thác nghiệp vụ của Công ty TNHH H. Hai nhân viên này đã trực tiếp làm việc với nguyên đơn trong suốt khoảng thời gian từ tháng 9-10 năm 2016. Việc này thể hiện qua các thư điện tử (email) mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Qua các thư trao đổi email cho thấy nguyên đơn biết rõ đơn vị mà họ cung cấp dịch vụ chính là Công ty TNHH H và khi báo chi phí vận tải thì nguyên đơn cũng báo cho Công ty TNHH H chứ không phải báo cho bị đơn (Công ty V3). Hiện nay, bà N, bà M đã nghỉ việc và bị đơn không cung cấp được địa chỉ của họ.

Nay Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đến Nhật Bản để triệu tập Công ty TNHH H tham gia tố tụng nhưng không đạt kết quả vì Công ty TNHH H không còn ở địa chỉ cũ và chuyển đi đâu không rõ. Do đó, có căn cứ cho rằng Công ty TNHH H trốn tránh trách nhiệm nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc vắng mặt Công ty TNHH H.

Căn cứ diễn biến sự việc diễn ra trên thực tế, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét và xác định người có trách nhiệm trả số tiền cho phí cước vận chuyển 775.163.868 đồng cho nguyên đơn là Công ty TNHH H chứ không phải bị đơn, đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền cước phí 775.163.868 đồng nêu trên cho nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 209/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V2.

Buộc Công ty TNHH MTV V2 trả cho Công ty TNHH V2 số tiền nợ gốc 775.163.868 (bảy trăm bảy mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 224.836.132 (hai trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm ba mươi hai) đồng; tổng cộng là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Trả một lần tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV V2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Thành L đại diện cho Công ty TNHH MTV V2 vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, đề nghị sửa án, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV V2 trình bày:

Toà án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không toàn diện. Ông đã cung cấp hợp đồng uỷ thác nghiệp vụ. Về nội dung thì xem xét biên bản ký lục sự năm 2021, cả hai bên biết rõ bản chất nên mỗi bên chịu tổn thất 50% do Công ty TNHH H gây ra. Công ty TNHH MTV V2 chấp nhận trả 50% trên nợ gốc, làm tròn đồng ý thanh toán số tiền 400.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH V2 trình bày:

Hợp đồng ủy thác là thoả thuận của Công ty TNHH MTV V2 và Công ty TNHH H, không có liên quan đến Công ty TNHH V2. Nguyên đơn không đồng ý với bản ký lục sự việc vì đây là bản photo, từ năm 2018 đã trao đổi nhiều lần nhưng hai bên không đạt được sự thoả thuận. Biên bản không phải do người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ký, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn không thừa nhận có nội dung này và không biết nội dung này. Nguyên đơn thể hiện thiện chí, thương lượng nhiều lần nhưng bị đơn không đồng ý. Bảng tính lãi và gốc trên 1,3 tỷ đồng, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng 01 tỷ đồng, rút một phần yêu cầu. Bị đơn không cung cấp được bản chính của bản ký lục sự việc và không có thoả thuận 03 bên về việc chuyển giao nghĩa vụ.

Ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV V2 trình bày:

Ông là người cung cấp bản ký lục sự việc nên ông sẽ chịu trách nhiệm. Trong biên bản thể hiện rõ các tình tiết và nội dung rằng các bên đều bàn và biết rõ thiệt hại khi Công ty TNHH H bỏ trốn. Lỗi của bị đơn là đã không đồng ý chịu 50% thiệt hại ngay từ đầu. Hợp đồng của nguyên đơn và bị đơn ký theo mẫu không liên quan đến Công ty TNHH H. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH V2 trình bày:

Quá trình giải quyết, trước khi khởi kiện, trong quá trình khởi kiện, nguyên đơn đã cố gắng làm việc với bị đơn để được trả tiền nhưng bị đơn không chịu trả. Nguyên đơn đã cho bị đơn rất nhiều cơ hội để thương lượng. Bị đơn hứa trả nhưng không thực hiện, đề xuất số tiền trả không có thiện chí. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không đồng ý với bản ký lục sự việc và hợp đồng ủy thác mà bị đơn cung cấp vì không có liên quan.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 09/6/2016, Công ty TNHH MTV V2 và Công ty TNHH V5 Hợp đồng dịch vụ số KVLNFV09062016 về dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường biển cho hàng xuất nhập khẩu. Điều kiện thanh toán chuyển khoản sau 30 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc. Trên thực tế, sau khi ký hợp đồng, các bên đã có thực hiện dịch vụ giao nhận và phát sinh các khoản tiền nợ, tổng số hoá đơn nguyên đơn đã phát hành cho bị đơn thanh toán là 45 hoá đơn với số tiền là 775.163.868 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 775.163.868 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 224.836.132 đồng, tổng cộng là là 1.000.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng bị đơn không có trách nhiệm. Công ty TNHH H có trách nhiệm trả hoặc bị đơn nhận được tiền của Công ty TNHH H trả thì sẽ thanh toán cho nguyên đơn. Theo mục 2.3 của hợp đồng dịch vụ năm 2016 thì Công ty TNHH V2 vận chuyển hàng cho Công ty TNHH MTV V2, phí dịch vụ tính theo công việc, chuyển khoản trong thời hạn 30 ngày. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV V2 thanh toán đầy đủ cho Công ty TNHH V2. Do đó, Công ty TNHH MTV V2 phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Công ty TNHH V2 số tiền gốc 775.163.868 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Nguyên đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn tổng cộng là 1.000.000.000 đồng bao gồm nợ gốc 775.163.868 đồng tiền lãi do chậm thanh toán là 224.836.132 đồng. Bản án sơ thẩm khi giải quyết yêu cầu tiền lãi chậm trả, nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán, yêu cầu bị đơn phải thanh toán 224.836.132 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán cho bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút phần tiền lãi là chưa đúng quy định và không tuyên ở phần quyết định là có thiếu sót nhưng đường lối giải quyết là đúng, có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bản án sơ thẩm tuyên bị đơn trả cho nguyên đơn tổng cộng 01 tỷ đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH MTV V2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 09/6/2016, Công ty TNHH MTV V2 và Công ty TNHH V5 Hợp đồng dịch vụ số KVLNFV09062016 về dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế bằng đường biển cho hàng xuất nhập khẩu. Điều kiện thanh toán chuyển khoản sau 30 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc. Trên thực tế, sau khi ký hợp đồng, các bên đã có thực hiện dịch vụ giao nhận và phát sinh các khoản tiền nợ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp, thể hiện tổng số hoá đơn nguyên đơn đã phát hành cho bị đơn thanh toán là 45 hoá đơn với số tiền là 775.163.868 đồng. Bị đơn không phủ nhận số tiền còn nợ nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn cho rằng bị đơn không có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, Công ty TNHH H mới là bên phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn. Do đó, khi bị đơn tìm được Công ty TNHH H để buộc thanh toán nợ cho bị đơn thì bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn.

[2.2] Ngoài ra, bị đơn còn trình bày rằng bị đơn đã cung cấp cho Tòa án bản Hợp đồng ủy thác nghiệp vụ ký giữa Công ty V3 và Công ty TNHH H (H., L1) có giá trị 05 năm kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 31/3/2021. Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá tài liệu mà bị đơn đã giao nộp vì bản dịch tiếng Việt không được công chứng, chứng thực, hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định tại Điều 94, 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, tài liệu này không được đảm bảo về mặt chứng cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn có cung cấp bản dịch nhưng đây là thoả thuận của Công ty V3 và Công ty TNHH H, không có thoả thuận bàn giao nghĩa vụ rõ ràng của các bên. 02 bản Ký lục sự việc ngày 04/11/2021 và 25/11/2021 là biên bản về việc giải quyết công nợ, ý kiến của bị đơn đưa ra nguyên đơn không chấp nhận và các bên cũng không thực hiện theo thoả thuận này. Bị đơn cũng không cung cấp bản chính và nguyên đơn không thừa nhận 02 bản Ký lục sự việc này.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hợp đồng các bên ký kết thực hiện để giải quyết tranh chấp là đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV V2, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV V2 phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 30; khoản 3 Điều 35; 477; 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 85; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV V2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 209/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V2.

Buộc Công ty TNHH MTV V2 trả cho Công ty TNHH V2 số tiền nợ gốc 775.163.868 (bảy trăm bảy mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 224.836.132 (hai trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn một trăm ba mươi hai) đồng; tổng cộng là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Trả một lần tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng, Công ty TNHH MTV V2 phải chịu.

Công ty TNHH V2 không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.503.278 (mười bảy triệu năm trăm lẻ ba nghìn hai trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AD/2014/0008548 ngày 11/01/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH MTV V2 phải chịu là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng Công ty TNHH MTV V2 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0041720 ngày 29/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (NTCL)(20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương